

Hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp ở Việt Nam

Hồ Anh Tuấn*

Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 05 tháng 09 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 10 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2016

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh chóng của khu công nghiệp tại Việt Nam ngoài các tác động tích cực lên sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước cũng kéo theo những tác động tiêu cực lên môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường nước. Thực tiễn đã đặt ra nhu cầu phải nghiên cứu cụ thể, sâu sắc về pháp luật bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp. Bài viết đã sử dụng các phương pháp so sánh, phân tích các quy phạm pháp luật, nghiên cứu tài liệu để chỉ ra nguyên nhân, hạn chế trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp từ cấp trung ương đến địa phương, gồm các nhóm giải pháp về đồng bộ hóa pháp luật, bổ sung hoàn thiện quy phạm pháp luật và nâng cao năng lực của cơ quan quản lý, chủ đầu tư, ban quản lý khu công nghiệp. Kết quả của nghiên cứu có thể ứng dụng vào hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp nói riêng, đáp ứng yêu cầu của hoàn thiện pháp luật và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Bảo vệ môi trường, khu công nghiệp, môi trường nước, hoàn thiện pháp luật.

1. Mở đầu

Sự phát triển nhanh chóng của các khu công nghiệp (KCN) tại Việt Nam là một tất yếu nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển KCN tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân và xây dựng cơ sở vật chất tiền hành công nghiệp hóa. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của KCN, tình hình ô nhiễm môi trường trong các khu công nghiệp ngày càng diễn biến xấu đi, đặc biệt là ô nhiễm môi trường nước. Thực tiễn đã

đặt ra nhu cầu phải nghiên cứu cụ thể, sâu sắc về pháp luật bảo vệ môi trường nước trong KCN.

2. Khái quát về khu công nghiệp và pháp luật bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp

2.1. Khái niệm khu công nghiệp

Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế làm rõ khái niệm về khu công nghiệp như sau:

“Khu công nghiệp là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho

* ĐT.: 84-947318696

Email: hoanhtuan@vnu.edu.vn

sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này” [1].

KCN là nguồn sản xuất của cải vật chất chủ yếu của nền kinh tế, huy động được lượng vốn đầu tư lớn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hàng năm, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào KCN, khu chế xuất chiếm từ 35-40% tổng vốn đăng ký tăng thêm của cả nước; riêng lĩnh vực công nghiệp chiếm gần 80%. KCN, khu chế xuất cũng đã tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, có giá trị lâu dài, góp phần hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trên cả nước [2].

2.2. Pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp

Nước vừa là nguồn tài nguyên thiên nhiên, vừa là một thành phần môi trường gắn liền với sự tồn tại, phát triển của con người cũng như sự sống trên hành tinh. Vai trò to lớn của nước đối với đời sống con người cũng như tính phức tạp của các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng, tác động tới nước, tất yếu phải dẫn tới bảo vệ tài nguyên, môi trường nước bằng pháp luật với những quy định cụ thể. Từ thực tiễn trên, việc thực hiện quản lý môi trường nước, bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp bằng công cụ chính sách và công cụ pháp luật đã trở thành nhu cầu và nhiệm vụ cấp thiết. Ta có thể rút ra khái niệm về pháp luật bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp như sau:

Pháp luật về bảo vệ môi trường nước là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh giữa các chủ thể trong hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước, môi trường nước trong khu công nghiệp.

2.3. Tình hình ô nhiễm môi trường nước trong khu công nghiệp

Tính đến năm 2012, Việt Nam đã thành lập được 283 khu công nghiệp với tổng diện tích tự nhiên đạt 80.000ha, phân bố trên 61 tỉnh. Số

khu công nghiệp đã đi vào hoạt động là 179 KCN, các KCN còn lại đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản. Theo quy hoạch, từ nay đến năm 2020 cả nước sẽ thành lập mới 106 KCN với diện tích hơn 50.000ha và mở rộng 26 KCN với diện tích gần 6.000 ha. Theo quy hoạch phát triển CCN ở các địa phương, đến năm 2020 cả nước dự kiến có 1.752 CCN với tổng diện tích khoảng 81.800 ha [2].

Sự phát triển ồ ạt các KCN đã dẫn tới nhiều hệ lụy về kinh tế-xã hội và đặc biệt là môi trường, trong đó có môi trường nước. Do thành lập ồ ạt và thiếu sự quản lý chặt chẽ nên tình trạng KCN xả trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường vẫn tồn tại phổ biến. Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương, mới chỉ có 40/835 KCN có công trình xử lý nước thải, chiếm khoảng 6%. Các KCN khác hầu như chưa được triển khai đầy đủ những biện pháp xử lý chất thải hoặc bảo vệ môi trường, dẫn đến hậu quả về ô nhiễm môi trường từ các KCN ngày càng trầm trọng. Công tác quản lý chất thải nguy hại còn nhiều bất cập, đa số các doanh nghiệp trong KCN chưa thực hiện đăng ký chủ nguồn thải nguy hại, thậm chí có doanh nghiệp tự lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại không đúng quy trình [3].

Theo báo cáo của các địa phương trong toàn quốc và kết quả khảo sát, kiểm tra chất lượng môi trường tại một số KCN phía Bắc, cho thấy: Trong tổng số KCN đã thành lập và đang hoạt động trong toàn quốc, chỉ có xấp xỉ 6% số KCN có xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNTTT), con số này trong thực tế đi kiểm tra còn thấp hơn do các KCN tạm dừng hoạt động hoặc thông tin báo cáo chưa chính xác. Do đó, nhìn chung chất lượng môi trường theo kết quả đo đạc tại các KCN chưa đáp ứng được QCVN. So sánh với quy chuẩn đối với nước mặt QCVN08:2008/BTNMT, cột B1, chất lượng nước mặt khu vực xung quanh các KCN hầu hết đều không đạt, chủ yếu không đạt đối với các chỉ tiêu COD, BOD5, TSS, N-NH4+, Coliform. Trong đó, đáng quan tâm nhất là là nhiều KCN có ngành nghề tiêu thụ công nghiệp như phế liệu, tái chế, giấy, thủ công mỹ nghệ...

(Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội, Hòa Bình...), có nhiều chỉ tiêu độc hại đặc thù của các ngành sản xuất công nghiệp vượt nhiều lần so với quy chuẩn QCVN08:2008/BTNMT, cột B1, cụ thể như chỉ tiêu CN- = 1,61mg/l vượt 80,5 lần; Pb = 0,054mg/l vượt 1,08 lần; N-NH₄⁺ = 28mg/l vượt 56 lần; Coliform là 3,9x10⁶ MPN/100ml vượt 520 lần [3].

Các chỉ tiêu gây ô nhiễm môi trường nước phổ biến tại các KCN thường vượt tiêu chuẩn nhiều lần như: Nồng độ TSS vượt từ 1,66 lần đến 5 lần, nồng độ oxy hoà tan từ 1 – 10 lần, thông số ô nhiễm các chất hữu cơ như BOD₅ là vượt 1,08 lần đến 20 lần... [3]

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp

Thực trạng bảo vệ môi trường nước trong KCN còn nhiều hạn chế, yếu kém nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng có thể kể đến những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể và người dân về pháp luật và thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp chưa đầy đủ.

Các cấp chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, đúng mức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường đối với sự nghiệp phát triển bền vững đất nước, còn tồn tại khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành động, giữa cam kết và thực hiện. Đặc biệt, trong chỉ đạo, điều hành, tư tưởng “ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, xem nhẹ yêu cầu bảo vệ môi trường” còn khá phổ biến.

Ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường nước của các hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt các hộ sản xuất kinh doanh thuộc các làng nghề chưa tốt. Ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường nước của nhiều nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh còn thấp, chưa chủ động, tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, phần lớn vẫn chạy theo lợi nhuận, coi nhẹ bảo vệ môi trường.

Hai là, chất lượng công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp còn nhiều hạn chế, hệ thống văn bản pháp luật còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất, chưa hoàn toàn phù hợp với đời sống kinh tế, xã hội của đất nước.

Hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường tuy đã được hình thành nhưng còn nhiều bất cập, nhiều quy định còn chung chung, còn mang tính nguyên tắc. Còn thiếu hoặc đã có quy định nhưng chưa đầy đủ về bảo vệ môi trường nước, tái chế chất thải, về khắc phục ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường. Một số quy định trong các văn bản đã được ban hành chưa tương thích với các văn bản mới được ban hành nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời. VD: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã có hiệu lực thi hành, bao gồm nhiều nội dung mới tuy nhiên Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa được sửa đổi, bổ sung. Ví dụ: Điều 8, Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng với hành vi vi phạm các quy định về thực hiện cam kết bảo vệ môi trường [4] nhưng Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 không còn quy định về cam kết bảo vệ môi trường, thay vào đó là các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường [5].

Các quy định về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp tản mạn tại nhiều văn bản pháp luật, nhiều quy định có nội dung giống nhau thậm chí trái ngược nhau [6]. Chưa tạo được hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để khuyến khích phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ môi trường và sản phẩm thân thiện với môi trường. Thiếu các cơ chế về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra, giải quyết tranh chấp, xung đột về môi trường [7]. Mặc dù đã có các quy định về tội phạm môi trường trong Bộ luật Hình sự nhưng chưa đầy đủ và cụ thể nên chưa thực hiện được trên thực tế.

Vấn đề xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp chưa được quan tâm đúng mức và có

phần bị xem nhẹ. Do đó, dẫn đến tình trạng nhận thức chưa cao cũng như thiếu thống nhất trong quá trình nghiên cứu xây dựng và thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp. Chế tài xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp chưa đủ mạnh, mức phạt chưa đủ tính răn đe dẫn đến các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cố tình vi phạm [8]. Đây chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng gia tăng vi phạm pháp luật trong bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp.

Ba là, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước chưa phù hợp, chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao

Bộ máy quản lý nhà nước về môi trường đã được hoàn thiện nhưng vẫn chưa đồng bộ và thống nhất từ trung ương đến địa phương, chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao, chưa giải quyết hiệu quả các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên quốc gia, chưa ngang tầm với yêu cầu bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Việc phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn phân tán, chồng chéo và chưa hợp lý, nhất là trong kiểm soát ô nhiễm nước, quản lý chất thải. Trách nhiệm quản lý tài nguyên nước được phân công cho nhiều Bộ ngành: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, còn tồn tại nhiều chồng chéo và xung đột.

Hệ thống cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường được tổ chức thống nhất từ trung ương đến cấp huyện là Phòng Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, ở cấp xã, nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường nói chung và tài nguyên nước nói riêng chưa được phân cấp cụ thể. Ở mỗi xã, phường chỉ có cán bộ địa chính thực hiện quản lý đất đai là chủ yếu, nhiệm vụ quản lý môi trường chỉ là kiêm nhiệm, hầu như không có kiến thức chuyên môn về bảo vệ môi trường và môi trường nước. Nhiệm vụ quản lý tài nguyên nước ở cấp xã hầu như chưa được triển khai.

Bốn là, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ bảo vệ môi trường nước chưa được đầu tư phát triển phù hợp, chưa đáp ứng được nhu cầu

Hệ thống quan trắc, công nghệ, điều tra cơ bản phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải ra môi trường nước trong khu công nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa có khả năng dự báo. Các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp gần đây đều để hậu quả nghiêm trọng xảy ra mới phát hiện được.

Chế độ báo cáo, cung cấp dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước, nguồn nước, về khai thác, sử dụng nước và xả thải vào nguồn nước của các ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân chưa được coi trọng.

4. Hoàn thiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp

Để tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp, chúng tôi đưa ra các kiến nghị, giải pháp sau:

Kiến nghị ở cấp Trung ương:

Thứ nhất, thực hiện đồng bộ hóa hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường nước trong khu công nghiệp, sửa đổi các văn bản quan trọng như Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 để đồng bộ với các văn bản ban hành mới Như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Thứ hai, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật cụ thể:

- Xây dựng các cơ chế, quy định khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ tài nguyên nước; khuyến khích đầu tư, nghiên cứu, sử dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất để bảo vệ, phát triển tài nguyên nước.

- Xây dựng quy định cụ thể về các loại phí bảo vệ môi trường nước, đặc biệt là phí gây ô nhiễm môi trường, phí xử lý ô nhiễm môi trường, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí cấp, gia hạn giấy chứng

nhận đạt tiêu chuẩn môi trường. Theo đó, các tổ chức, cá nhân sẽ phải đóng các loại phí riêng biệt tùy theo mức độ gây ô nhiễm môi trường nước.

- Xây dựng hướng dẫn xác định thiệt hại do ô nhiễm môi trường nước gây ra, trong đó phải bao quát được cả thiệt hại về vật chất, về sức khỏe và tính mạng người dân bị ảnh hưởng trực tiếp do xả thải ra môi trường nước của khu công nghiệp.

- Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về trách nhiệm hình sự của pháp nhân và người đứng đầu pháp nhân đối với các tội phạm về môi trường.

- Sửa đổi, bổ sung hình thức xử phạt hành chính các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, theo đó mức tiền phạt sẽ được tính dựa trên tỉ lệ phần trăm thiệt hại thực tế xảy ra, mức thiệt hại càng lớn thì tỉ lệ càng cao.

- Xây dựng các quy định xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ ô nhiễm, các chính sách di dời cơ sở gây ô nhiễm vào KCN. Để thực hiện được thì Nhà nước cần xây dựng chế tài đủ mạnh để xử lý các doanh nghiệp không đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Thứ ba, tiếp tục sửa đổi hoàn thiện quy chế quản lý KCN cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trong đó chú trọng phát triển kinh tế đáp ứng yêu cầu BVMT thông qua việc đầu tư công nghệ sạch, khuyến khích sản xuất sạch hơn, đầu tư và đào tạo nguồn nhân lực thành thạo và chuyên sâu về môi trường đối với cả cơ quan quản lý và các doanh nghiệp; xây dựng và hoàn thiện bộ máy Trung tâm phát triển KCN; xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Trung tâm phát triển KCN với cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ tư, tổ chức điều tra cơ bản, đánh giá hiện trạng sản xuất, sử dụng hoá chất, dự báo diễn biến môi trường chất thải của một số vùng tập trung nhiều KCN, để đề xuất các giải pháp xử lý.

Thứ năm, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, năng lực thẩm định dự án cho các cán bộ chuyên trách để sớm đưa các chủ trương chính sách tốt đi vào cuộc sống.

Kiến nghị ở cấp địa phương

Thứ nhất, tăng cường công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm nước tại các doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng Luật bảo vệ môi trường năm 2014; xây dựng hệ thống quản lý môi trường cho KCN; hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ để xử lý triệt để ô nhiễm môi trường hoặc di dời vào KCN. Đề nghị bố trí cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường tại các KCN, không kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ.

Thứ hai, xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của KCN. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ và thiết bị tiên tiến, áp dụng công nghệ xử lý môi trường trong sản xuất; đồng thời nâng cao năng lực cho bộ máy quản lý về môi trường trong các KCN.

Thứ ba, từng bước xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trong các KCN. Xây dựng cơ chế hình thành các dịch vụ môi trường phục vụ cho các hoạt động của các KCN.

Thứ tư, xây dựng quy định, cơ chế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay ưu đãi từ ngân hàng phát triển, quỹ bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư, ngăn ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, khắc phục sự cố môi trường trong KCN.

Thứ năm, đối với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng mới hạ tầng KCN bắt buộc phải triển khai xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung đồng thời với xây dựng hạ tầng KCN, với hình thức đầu tư theo mô đun (đơn nguyên) xử lý.

Thứ sáu, có quy định hạn chế các dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, hiệu suất sử dụng tài nguyên thấp.

5. Kết luận

Bảo vệ tài nguyên nước là việc làm cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia bền vững. Nhà nước với vai trò quản lý có trách

nhiệm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường và môi trường nước trong khu công nghiệp nhằm bảo vệ một trong những thành tố cơ bản nhất của môi trường sống, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững và hội nhập khu vực và quốc tế.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là sản phẩm của đề tài QG.15.61 "Pháp luật về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp ở Việt Nam" của Đại học Quốc gia Hà Nội

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ (2008), Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.
- [2] Bộ Kế hoạch – Đầu tư (2006), Tình hình và phương hướng phát triển các khu công nghiệp nước ta thời kỳ 2006-2020.
- [3] Tổng cục Môi trường (2013), Báo cáo kiểm soát ô nhiễm môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, Hà Nội.
- [4] Chính phủ (2013), Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, Hà Nội.
- [5] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), Luật Bảo vệ môi trường, Hà Nội
- [6] Nguyen Thi Phuong Loan (2012), Legal Framework of the water sector in Vietnam: achievements and challenges. *Journal of Vietnamese Environment*, DOI: 10.13141/jve.vol2.no1.pp27-44
- [7] Nguyen Thi Phuong Loan (2013), The Legal Framework of Vietnam Water Sector: Update 2013, ZEF Working Paper Series, ISSN 1864-6638
- [8] Doãn Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bình (2016), Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp ở Việt Nam, Nxb Xây dựng.

Improving Legislation on Vietnam Industrial Zone Water Protection

Ho Anh Tuan

Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Although the rapid development of industrial zones in Vietnam positively impacts the socio-economic development of the country, it also entails negative impacts on the environment, especially water pollution. The current situation requires specific in-depth studies on industrial zone water protection legislation. First, the article studies the relevant legal documents to identify the causes and shortcomings in implementing the law on industrial zone water protection. Next, the article proposes some solutions to improve the laws on industrial zone water protection at all levels, including different laws on water protection, supplementing current regulations and improving the capacity of the authorities, investors and industrial park management boards. The study results can be applied to improve the law on environmental protection in general and industrial zone water protection in particular in order to meet the requirements of improving the law and international integration.

Keywords: Environment protection, industrial zone, water environment, improving legislature.